

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2017**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của HĐND tỉnh về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1310/TTr-SKHĐT-TH ngày 27/7/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2017 cho các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã; Ban QLDA chuyên ngành và các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh thực hiện *(Có bảng danh mục chi tiết kèm theo)*.

**Điều 2.** Căn cứ kế hoạch vốn được giao, các Chủ đầu tư nhanh chóng tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ giải ngân kế hoạch năm 2017.

Quyết định này thay thế các Quyết định: số 863/QĐ-UBND ngày 13/4/2017, số 922/QĐ-UBND ngày 18/4/2017, số 970/QĐ-UBND ngày 21/4/2017, số 1287/QĐ-UBND ngày 25/5/2017, số 1432/QĐ-UBND ngày 13/6/2017 và số 1601/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Giám đốc các Ban QLDA chuyên ngành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT, (139Bình-27/7).



**CHỦ TỊCH** <sup>k</sup>

*Nguyễn Văn Trâm*

## BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số: 1838/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch điều chỉnh	Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	<b>Tổng số</b>	<b>1.592.389</b>	<b>2.305.619</b>	<b>713.230</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn NSTW</b>	<b>317.429</b>	<b>317.429</b>	-	
1	Vốn trong nước	220.782	220.782	-	Biểu số 1
-	Vốn CTMTQG	66.602	66.602	-	
-	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu	154.180	154.180	-	
2	Vốn nước ngoài (ODA)	96.647	96.647	-	Biểu số 2
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn NSDP</b>	<b>1.274.960</b>	<b>1.988.190</b>	<b>713.230</b>	Biểu số 3
1	Vốn đầu tư trong cân đối	477.840	526.089	48.249	
-	Vốn giao đầu năm	477.840	477.840	-	
-	Vốn năm 2016 chuyển sang năm 2017		48.249	48.249	
2	Thu tiền SD đất	320.120	985.264	665.144	
-	Nguồn vốn giao đầu năm	320.120	320.120	-	
-	Vốn vượt thu SDD năm 2016 chuyển sang năm 2017		140.000	140.000	
-	Vốn tăng thu SDD năm 2017		400.000	400.000	
-	Tăng khối huyện, thị xã		121.748	121.748	
-	Vốn năm 2016 chuyển sang năm 2017		3.396	3.396	
3	Thu XSKT	411.000	456.662	45.662	
-	Nguồn vốn giao đầu năm	411.000	411.000	-	
-	Vốn năm 2016 chuyển sang năm 2017		45.662	45.662	
4	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	66.000	18.000	(48.000)	giảm 48 tỷ so với đầu năm, bao gồm: Trường THPT Đồng Phú 30 tỷ; Trường THPT Bù Gia Mập 15 tỷ; Trường TH Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập 3 tỷ
5	Vốn vay KCH kênh mương (vốn năm 2016 chuyển sang năm 2017)		2.175	2.175	

**BIỂU SỐ 1**  
**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2017**  
*(Kèm theo Quyết định số: 1838/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh)*

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Quyết định ĐT (số, ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Đã ghi KH vốn đến hết 2016	Kế hoạch vốn đầu năm		Kế hoạch vốn điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Theo QĐ 863/QĐ-UBND ngày 13/4/2017	Theo QĐ 1287/QĐ- UBND ngày 25/5/2017			
	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	<b>TỔNG CỘNG (I+II)</b>			189.078	220.782	19.000	220.782		
<b>I</b>	<b>VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>				66.602		66.602		
<b>1</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững</b>				22.602	-	22.602		
	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho các xã nghèo ĐBK, xã biên giới, các thôn ĐBK thuộc Chương trình 135				22.602		22.602		
<b>2</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới</b>				44.000	-	44.000		
	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các xã NTM giai đoạn 2016-2020				44.000		44.000		Có biểu chi tiết kèm theo
<b>II</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>		2.391.656	189.078	154.180	19.000	154.180		
<b>1</b>	<b>Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng</b>		1.207.584	125.774	72.226	3.000	75.226		
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017</i>		149.940	95.774	42.226	-	42.226		
1	Đường trục chính Bắc-Nam (nối dài) thuộc Trung tâm Hành chính huyện Hớn Quản	2320/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	63.223	42.674	17.326		17.326	UBND huyện Hớn Quản	
2	Đường từ N1 đến bến xe mới huyện Bù Đốp hướng ra tuyến biên giới, huyện Bù Đốp	2322/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	49.909	27.500	15.500		15.500	UBND huyện Bù Đốp	
3	Đường ĐH 312 từ xã Phú Riêng đi Phú Trung huyện Bù Gia Mập	3751/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	36.808	25.600	9.400		9.400	UBND huyện Bù Gia Mập	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>		320.000	30.000	15.000	-	15.000		
1	Đường giao thông phục vụ dân sinh gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới huyện Lộc Ninh	2405/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	170.000	15.000	5.000		5.000	UBND huyện Lộc Ninh	
2	Đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực trảng cỏ Bù Lạch (thuộc tour du lịch nối với Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tieng Sok Bom Bo) xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	2403/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	150.000	15.000	10.000		10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2017</i>		737.644	-	15.000	3.000	18.000		
1	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn huyện Bù Đăng	2749/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	149.644		3.000		3.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	
2	Đường tránh nội ô thị xã Đồng Xoài (Kết nối ĐT 741 với QL 14)		80.000		3.000		3.000	UBND TX Đồng Xoài	
3	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riêng	2744/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	150.000		3.000		3.000	UBND huyện Phú Riêng	
4	Trụ sở huyện ủy, trụ sở HĐND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riêng	2743/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	150.000		3.000		3.000	UBND huyện Phú Riêng	

STT	Nội dung	Quyết định DT (số, ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Đã ghi KH vốn đến hết 2016	Kế hoạch vốn đầu năm		Kế hoạch vốn điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Theo QĐ 863/QĐ-UBND ngày 13/4/2017	Theo QĐ 1287/QĐ- UBND ngày 25/5/2017			
5	Xây dựng các tuyến đường số 2, số 3, số 4, số 5, số 7 và nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài I	1071/QĐ-UBND ngày 29/5/2015	125.000			3.000	3.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	UBND tỉnh đã có Công văn số 526/UBND-KTTH ngày 27/2/2017 loại bỏ dự án ra khỏi kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020. Do vậy không thực hiện dự án; Sở KHĐT sẽ tham mưu UBND tỉnh trình TW điều chỉnh vốn cho các DA khác
6	Kho lưu trữ chuyên dùng tỉnh Bình Phước	2746/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	83.000				3.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
2	Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững		21.943	-	-		3.000	3.000	
	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2017</i>		21.943	-	-		3.000	3.000	
	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	1438/QĐ-UBND ngày 13/6/2017	21.943				3.000	3.000	Vườn QG Bù Gia Mập
3	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư		167.742	19.304	46.954	-	46.954		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>		167.742	19.304	46.954	-	46.954		
	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh	2392/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	147.742	19.304	46.954		46.954	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
	Hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013)		20.000						
4	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo		676.725	34.000	-	10.000	10.000		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>		676.725	34.000	-	10.000	10.000		
	XD công trình cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	34.000		10.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
5	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		132.000	-	-	3.000	3.000		
	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2017</i>		132.000	-	-	3.000	3.000		
1	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	2691/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	132.000			3.000	3.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
6	Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn		44.100	-	3.000	-	3.000		
	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2017</i>		44.100	-	3.000	-	3.000		

STT	Nội dung	Quyết định DT (số, ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Đã ghi KH vốn đến hết 2016	Kế hoạch vốn đầu năm		Kế hoạch vốn điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Theo QĐ 863/QĐ-UBND ngày 13/4/2017	Theo QĐ 1287/QĐ- UBND ngày 25/5/2017			
	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Bù Đốp		44.100		3.000		3.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
7	<b>Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin</b>		32.000	-	3.000	-	3.000		
	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2017</i>		32.000	-	3.000	-	3.000		
	Đầu tư trang thiết bị và xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu kết nối liên thông từ Trung ương đến địa phương		32.000		3.000		3.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	UBND tỉnh đã có Công văn số 526/UBND-KTTH ngày 27/2/2017 loại bỏ dự án ra khỏi kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020. Do vậy không thực hiện dự án; Sở KHĐT sẽ tham mưu UBND tỉnh trình TW điều chỉnh vốn cho các DA khác
8	<b>Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm</b>		109.562	10.000	10.000	-	10.000		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>		109.562	10.000	10.000	-	10.000		
	Xây dựng đường nhựa vào các Đồn biên phòng Thanh Hòa, Đắk O, Bù Gia Mập và cụm dân cư Bù Gia Mập	2404/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	109.562	10.000	10.000		10.000	Bộ CHBĐBP	
9	<b>Số vốn bố trí chưa đúng quy định, chưa phân bổ chi tiết, hoặc thông tin số liệu chưa rõ ràng cần tiếp tục rà soát</b>				19.000				

**PHỤ LỤC SỐ 1.1**  
**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**  
**XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2017**  
**(Nguồn vốn NSTW)**

(Kèm theo Quyết định số: 1858 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Huyện, thị xã	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>44.000</b>	<b>44.000</b>	
<b>I</b>	<b>Thị xã Đông Xoài</b>	<b>2.500</b>	<b>2.500</b>	
	Xã Tiên Thành	2.500	2.500	
<b>II</b>	<b>Thị xã Phước Long</b>	<b>2.500</b>	<b>2.500</b>	
	Xã Phước Tín	2.500	2.500	
<b>III</b>	<b>Huyện Đồng Phú</b>	<b>7.000</b>	<b>7.000</b>	
	Xã Tân Lợi	3.500	3.500	
	Xã Tân Phước	3.500	3.500	
<b>IV</b>	<b>Huyện Chơn Thành</b>	<b>3.500</b>	<b>3.500</b>	
	Xã Thành Tâm	3.500	3.500	
<b>V</b>	<b>Huyện Hớn Quản</b>	<b>3.500</b>	<b>3.500</b>	
	Xã Tân Lợi	3.500	3.500	
<b>VI</b>	<b>Huyện Bù Đăng</b>	<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	
	Xã Minh Hưng	1.000	1.000	
	Xã Đức Liễu	3.000	3.000	
<b>VII</b>	<b>Huyện Lộc Ninh</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	
	Xã Lộc Hưng	1.000	1.000	
	Xã Lộc Hiệp	3.500	3.500	
	Xã Lộc Thái	3.500	3.500	
<b>VIII</b>	<b>Huyện Bù Gia Mập</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	
	Xã Phú Nghĩa	1.500	1.500	
	Xã Đức Hạnh	3.500	3.500	
<b>IX</b>	<b>Huyện Phú Riềng</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	
	Xã Bù Nho	1.500	1.500	
	Xã Phú Riềng	3.500	3.500	
<b>X</b>	<b>Huyện Bù Đốp</b>	<b>3.000</b>	<b>3.000</b>	
	Xã Thiện Hưng	3.000	3.000	

Ghi chú: UBND các huyện, thị xã có trách nhiệm giao kế hoạch vốn chi tiết cho từng danh mục dự án đến chủ đầu tư

**BIỂU SỐ 2**

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) NĂM 2017**

*(Kèm theo Quyết định số: 1838 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm						Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định	TMĐT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
							Vốn trong nước			Vốn nước ngoài			
							Tổng số	Trong đó:					
NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	<b>TỔNG CỘNG</b>					403.446	53.377	23.995	29.383	350.069	96.647	96.647	
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020					403.446	53.377	23.995	29.383	350.069	96.647	96.647	
1	Dự án mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đồng Xoài công suất 10000m <sup>3</sup> / ngày đêm	Đồng Xoài	10.000 m <sup>3</sup> / ngày đêm	2011-2015	440/QĐ-UBND ngày 02/03/2011	341.615	47.989	23.995	23.995	293.626	73.493	73.493	Công ty Cổ phần cấp thoát nước BP
2	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện			2011-2017	1912, 1913, 1914, 1915 /QĐ-UBND ngày 31/8/2015	61.831	5.388	-	5.388	56.443	23.154	23.154	Sở Y tế
2.1	Dự án xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa thị xã Bình Long	Bình Long		2011-2017	1912/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	14.020	1.230		1.230	12.790	4.600	4.600	
2.2	Dự án xử lý nước thải Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	Đồng Xoài		2011-2017	1913/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	20.624	1.859		1.859	18.765	9.254	9.254	
2.3	Dự án xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa thị xã Phước Long	Phước Long		2011-2017	1914/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	13.468	1.183		1.183	12.285	5.000	5.000	
2.4	Dự án xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	Đồng Xoài		2011-2017	1915/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	13.719	1.116		1.116	12.603	4.300	4.300	

**BIỂU SỐ 3**  
**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017**  
*(Kèm theo Quyết định số: 1858/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó					
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh mương	
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III)</b>	<b>1.274.960</b>	<b>1.988.190</b>	<b>526.089</b>	<b>985.264</b>	<b>456.662</b>	<b>18.000</b>	<b>2.175</b>	
<b>I</b>	<b>TRẢ NỢ</b>	<b>186.550</b>	<b>186.550</b>	<b>186.550</b>	-	-	-	-	
1	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011-2015	116.550	116.550	116.550					
2	Hoàn trả nguồn cải cách tiền lương	70.000	70.000	70.000					
<b>II</b>	<b>VỐN PHÂN CẤP HUYỆN - THỊ</b>	<b>488.420</b>	<b>770.168</b>	<b>193.600</b>	<b>576.568</b>	-	-	-	
<b>1</b>	<b>THỊ XÃ ĐỒNG XỎAI</b>	<b>48.920</b>	<b>163.140</b>	<b>18.920</b>	<b>144.220</b>				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	18.920	18.920	18.920					
b	Tiền sử dụng đất	30.000	44.220		44.220				
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	8.000	8.000		8.000				
c	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông nội ô thị xã Đồng Xoài		100.000		100.000				
<b>2</b>	<b>THỊ XÃ BÌNH LONG</b>	<b>32.760</b>	<b>30.900</b>	<b>17.160</b>	<b>13.740</b>				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.160	17.160	17.160					
b	Tiền sử dụng đất	15.600	13.740		13.740				
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	4.000	4.000		4.000				
<b>3</b>	<b>THỊ XÃ PHƯỚC LONG</b>	<b>150.800</b>	<b>268.400</b>	<b>15.400</b>	<b>253.000</b>				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	15.400	15.400	15.400					
b	Tiền sử dụng đất	135.400	253.000		253.000				
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	8.000	8.000		8.000				
<b>4</b>	<b>HUYỆN ĐỒNG PHÚ</b>	<b>32.630</b>	<b>50.328</b>	<b>17.930</b>	<b>32.398</b>				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.930	17.930	17.930					
b	Tiền sử dụng đất	14.700	29.398		29.398				
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	8.000	8.000		8.000				
c	Hỗ trợ đầu tư xây dựng xã NTM		3.000		3.000				Giao UBND huyện thông báo vốn cho chủ đầu tư (xã Tân Lợi 2 tỷ đồng, xã Tân Phước 1 tỷ đồng)
<b>5</b>	<b>HUYỆN BÙ ĐĂNG</b>	<b>39.440</b>	<b>32.800</b>	<b>20.240</b>	<b>12.560</b>				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	20.240	20.240	20.240					



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư	
			Tổng cộng	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh mương		
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10	
b	Tiền sử dụng đất	19.200	12.560		12.560					
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	10.000	10.000		10.000					
<b>6</b>	<b>HUYỆN BÙ GIA MẬP</b>	<b>27.800</b>	<b>26.460</b>	<b>17.600</b>	<b>8.860</b>					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.600	17.600	17.600						
b	Tiền sử dụng đất	10.200	8.860		8.860					
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	6.000	6.000		6.000					
<b>7</b>	<b>HUYỆN CHON THANH</b>	<b>38.270</b>	<b>42.794</b>	<b>17.270</b>	<b>25.524</b>					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.270	17.270	17.270						
b	Tiền sử dụng đất	21.000	25.524		25.524					
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	10.000	10.000		10.000					
<b>8</b>	<b>HUYỆN HON QUAN</b>	<b>23.270</b>	<b>24.905</b>	<b>17.270</b>	<b>7.635</b>					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.270	17.270	17.270						
b	Tiền sử dụng đất	6.000	7.635		7.635					
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	4.000	4.000		4.000					
<b>9</b>	<b>HUYỆN LỘC NINH</b>	<b>43.360</b>	<b>35.426</b>	<b>19.360</b>	<b>16.066</b>					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	19.360	19.360	19.360						
b	Tiền sử dụng đất	24.000	9.066		9.066					
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	12.000	9.066		9.066					
c	Hỗ trợ đầu tư xây dựng xã NTM		3.000		3.000					Giao UBND huyện thông báo vốn cho chủ đầu tư (xã Lộc Hiệp 1,5 tỷ đồng, xã Lộc Thái 1,5 tỷ đồng)
d	Hỗ trợ đầu tư đường tuần tra biên giới Chiu Riu -Tà Nôt và đường từ QL 13 vào nhà văn hóa huyện Lộc Ninh		4.000		4.000					
<b>10</b>	<b>HUYỆN BÙ ĐÓP</b>	<b>26.270</b>	<b>22.550</b>	<b>15.950</b>	<b>6.600</b>					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	15.950	15.950	15.950						
b	Tiền sử dụng đất	10.320	6.600		6.600					
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	5.000	5.000		5.000					
<b>11</b>	<b>HUYỆN PHÚ RIỀNG</b>	<b>24.900</b>	<b>72.465</b>	<b>16.500</b>	<b>55.965</b>					
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	16.500	16.500	16.500						
b	Tiền sử dụng đất	8.400	5.965		5.965					
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	5.000	5.000		5.000					



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư	
			Tổng cộng	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh mương		
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10	
c	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các tuyến đường khu Trung tâm hành chính huyện		50.000		50.000					
III	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>	-	8.982	-	-	8.982	-	-		
1	CBĐT xây dựng trụ sở đội PCCC huyện Lộc Ninh		3.000			3.000				Công an tỉnh
2	CBĐT dự án đường Bom Bo-Đắc Nhau huyện Bù Đăng		4.000			4.000				UBND huyện Bù Đăng
3	CBĐT Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước từ 300 lên 600 giường bệnh		1.982			1.982				Sở Y tế
IV	<b>VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>	<b>599.990</b>	<b>1.022.490</b>	<b>145.939</b>	<b>408.696</b>	<b>447.680</b>	<b>18.000</b>	<b>2.175</b>		
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2017	343.700	642.700	110.549	211.896	318.080	-	2.175		
1	Đổi ứng các dự án ODA	29.800	41.040	-	-	41.040	-	-		
1.1	Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài công suất 20.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	7.000	8.050			8.050				Công ty CP Cấp thoát nước
1.2	Dự án mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đồng Xoài công suất 10000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	5.500	11.500			11.500				Công ty CP Cấp thoát nước
1.3	Dự án xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh	1.900	5.400			5.400				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
1.4	Các dự án hệ thống xử lý nước thải bệnh viện trên địa bàn tỉnh	2.600	3.290			3.290				Sở Y tế
-	Dự án xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa thị xã Bình Long		742			742				
-	Dự án xử lý nước thải Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước		1.200			1.200				
-	Dự án xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa thị xã Phước Long		715			715				
-	Dự án xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước		633			633				

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó					
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh mương	
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10
1.5	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	7.500	7.500			7.500			Sở KHĐT
1.6	Dự án phát triển giáo dục Trung học phổ thông giai đoạn 2	5.300	5.300			5.300			Sở GDĐT
<b>2</b>	<b>Nông nghiệp-Nông thôn</b>	<b>69.100</b>	<b>155.579</b>	<b>26.784</b>	<b>82.500</b>	<b>46.100</b>	<b>-</b>	<b>195</b>	
2.1	Trả nợ mua xi măng của Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2016	64.100	68.100	23.000	4.000	41.100			Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng NTM tỉnh
2.2	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước	5.000	5.000			5.000			Chi cục kiểm lâm
2.3	Dự án trồng rừng thay thế cho diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng sang thực hiện dự án ĐCĐC cho đồng bào DTTS huyện Bù Đăng		5.000		5.000				Hạt Kiểm lâm Bù Đốp
2.4	GPMB (thanh lý cao su) chi trả cho Tập đoàn cao su		73.500		73.500				Ban QLKKT
2.5	Hệ thống Kênh tưới thuộc ấp Chàng Hai, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh		195					195	UBND huyện Lộc Ninh
2.6	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành trung tâm giống lâm nghiệp tỉnh Bình Phước (đổi ứng với NSTW )		3.784	3.784					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
<b>3</b>	<b>Công nghiệp</b>	<b>5.000</b>	<b>11.136</b>	<b>11.136</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
	XD công trình cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020 (đổi ứng NSTW)	5.000	11.136	11.136					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
<b>4</b>	<b>Giao thông - Vận tải</b>	<b>60.500</b>	<b>115.196</b>	<b>20.054</b>	<b>40.000</b>	<b>53.996</b>	<b>-</b>	<b>1.146</b>	
4.1	Láng nhựa đường Đoàn Thị Điểm nối dài thị xã Bình Long	5.000	5.000	5.000					UBND thị xã Bình Long

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh					Chủ đầu tư		
			Tổng cộng	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp		Vốn vay KCH kênh mương	
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10	
4.2	Đường trục chính từ ĐT 741 đến KCN Đồng Xoài III và IV, xã Tiến Hưng, Đồng Xoài	5.000	5.000	5.000						Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4.3	Hệ thống thoát nước, vỉa hè trên QL13 đoạn qua khu vực chợ Thanh Lương, thị xã Bình Long và đoạn từ chợ Lộc Thái đến cầu Mua huyện Lộc Ninh	11.000	11.000			11.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
4.4	Vốn góp dự án xây dựng cầu Sài Gòn nối hai tỉnh Bình Phước và Tây Ninh	6.000	6.000			6.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
4.5	Đường trục chính Bắc-Nam (nối dài) thuộc Trung tâm Hành chính huyện Hớn Quản (đổi ứng ngân sách TW)	3.200	6.149			6.149				UBND huyện Hớn Quản
4.6	Xây dựng đường liên xã Thuận Lợi-Thuận Phú, huyện Đồng Phú	10.000	10.000			10.000				UBND huyện Đồng Phú
4.7	Xây dựng đường liên xã Bù Nho-Long Tân, huyện Phú Riềng	5.000	5.000			5.000				UBND huyện Phú Riềng
4.8	Xây dựng đường D6 Trung tâm HC huyện Phú Riềng	5.300	5.300			5.300				UBND huyện Phú Riềng
4.9	Xây dựng đường giao thông liên xã Lộc Hưng Lộc Điền - Lộc Thái (huyện Lộc Ninh)	5.000	5.000			5.000				UBND huyện Lộc Ninh
4.10	Xây dựng đường Minh Thành - An Long, huyện Chơn Thành	5.000	5.000			5.000				UBND huyện Chơn Thành
4.11	Nâng cấp đường liên xã từ Minh Tâm đi An Phú, huyện Hớn Quản		10.000		10.000					UBND huyện Hớn Quản
4.12	Nâng cấp tuyến đường cứu hộ, cứu nạn Sao Bông - Đăng Hà		30.000		30.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó					
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh mương	
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10
4.13	Xây dựng cầu Đak Lung 2		1.146					1.146	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
4.14	Đường vào trung tâm xã Thanh An huyện Hớn Quản (đối ứng NSTW)		547			547			UBND huyện Hớn Quản
4.15	Sửa chữa đường trục chính KCN Chơn Thành		1.194	1.194					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4.16	Đường ĐT741 đi đội 6 Bù Gia Phúc, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập		3.000	3.000					UBND huyện Bù Gia Mập
4.17	Nâng cấp đường giao thông vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản		5.860	5.860					UBND huyện Hớn Quản
5	Hạ tầng đô thị	-	3.251	-	-	3.251	-	-	
	Via hè QL14 (đoạn từ đường Phan Bội Châu đến đường Nguyễn Huệ) thị xã Đồng Xoài		3.251			3.251			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
6	Y tế	23.500	26.819	-	-	26.819	-	-	
6.1	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Bình Phước (NS tỉnh đối ứng)	4.000	7.131			7.131			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
6.2	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập (đối ứng ngân sách TW)	5.000	5.000			5.000			UBND huyện Bù Gia Mập
6.3	Trung tâm y tế huyện Bù Gia Mập (Vốn đối ứng với NSTW)	3.000	3.000			3.000			UBND huyện Bù Gia Mập
6.4	Bệnh viện đa khoa huyện Hớn Quản	11.500	11.500			11.500			UBND huyện Hớn Quản
6.5	Xây dựng Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập (giai đoạn 2)		188			188			UBND huyện Bù Gia Mập

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó					
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh mương	
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10
7	Giáo dục - Đào tạo	92.900	105.471	-	5.000	100.471	-	-	
7.1	Xây dựng Trường THPT Phước Bình, thị xã Phước Long	6.000	6.000			6.000			Sở GDĐT
7.2	10 phòng học lầu Trường THPT Chu Văn An, huyện Chơn Thành	1.200	1.200			1.200			Sở GDĐT
7.3	Xây dựng Trường THPT Đa Kia huyện Bù Gia Mập	8.000	8.000			8.000			Sở GDĐT
7.4	Trường THPT Ngô Quyền, huyện Bù Gia Mập	10.000	10.000			10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
7.5	Xây dựng nhà tập đa năng, hạ tầng kỹ thuật và sửa chữa phòng học trường THPT Bù Đăng	2.500	2.500			2.500			Sở GDĐT
7.6	Trường dân tộc nội trú cấp 2,3 huyện Bù Gia Mập	5.000	5.000			5.000			Sở GDĐT
7.7	Mua sắm thiết bị phòng học phòng bộ môn một số trường học trên địa bàn tỉnh	3.500	3.500			3.500			Sở GDĐT
7.8	Mở rộng Ký túc xá cho học sinh PTDTNT tỉnh	1.700	1.700			1.700			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
7.9	Thiết bị thí nghiệm Trường Trung cấp y tế	5.000	5.000			5.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
7.10	Trường Mẫu giáo thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	8.000	8.000			8.000			UBND huyện Lộc Ninh
7.11	Trường mầm non Tuổi Thơ, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành	8.000	13.000		5.000	8.000			UBND huyện Chơn Thành

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó					
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh mương	
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10
7.12	Trường Mẫu giáo Đức Phong, huyện Bù Đăng	5.000	10.275			10.275			UBND huyện Bù Đăng
7.13	Trường Mầm non Tân Tiến, huyện Đồng Phú	5.000	5.000			5.000			UBND huyện Đồng Phú
7.14	Xây dựng trường TH xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú	8.000	8.000			8.000			UBND huyện Đồng Phú
7.15	Trường Mầm non Bù Nho, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng	8.000	8.000			8.000			UBND huyện Phú Riềng
7.16	Trường mẫu giáo Thanh Lương TX. Bình Long	8000	10.000			10.000			UBND TX Bình Long
7.17	Trường THPT chuyên thị xã Bình Long		296			296			UBND TX Bình Long
8	<b>Văn hóa - Xã hội</b>	<b>18.800</b>	<b>46.690</b>	<b>26.606</b>	<b>6.921</b>	<b>13.163</b>	-	-	
8.1	Hạ tầng kỹ thuật (phần còn lại) Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội tỉnh Bình Phước (NS tỉnh đối ứng)	1.800	1.800	1.800					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
8.2	Trung tâm Văn hóa tỉnh	7.000	14.372	7.372		7.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
8.3	Trung tâm văn hoá thể thao công đoàn tỉnh Bình Phước (NS tỉnh đối ứng)	5.000	5.000			5.000			Liên đoàn LĐ tỉnh
8.4	Tu bổ, tôn tạo di tích Mộ tập thể 3000 người		6.921		6.921				UBND thị xã Bình Long
8.5	Xây dựng hàng rào dự án khu di tích lịch sử Bộ chỉ huy miền Tà Thiết	5.000	15.000	15.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh					Chủ đầu tư	
			Tổng cộng	Trong đó					
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp		Vốn vay KCH kênh mương
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10
8.6	Đường vành đai khu A thuộc dự án Phim trường kết hợp với khu du lịch Trảng cỏ Bù Lạch		1.163			1.163			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
8.7	Xây dựng khu đón tiếp khu di tích lịch sử Bộ chỉ huy miền Tà Thiết		608	608					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
8.8	Xây dựng Trung tâm phát xạ BTV Đài phát thanh truyền hình Bình Phước		1.826	1.826					Đài PTTH
9	<b>Khoa học - Công nghệ</b>	6.000	6.856	326	-	6.530	-	-	
9.1	Đầu tư thiết bị phục vụ công tác đo lường và thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật đo lường và thử nghiệm	6.000	6.326	326		6.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
9.2	Thiết bị thí nghiệm Trường Trung cấp y tế		530			530			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
10	<b>Quản lý Nhà nước</b>	4.500	12.500	4.000	4.000	4.500	-		
10.1	Cải tạo, sửa chữa và mở rộng trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ	2.000	3.000	1.000		2.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
10.2	Trụ sở làm việc trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân tỉnh Bình Phước	2.500	2.500			2.500			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
10.3	Sửa chữa Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước		7.000	3.000	4.000				Sở Xây dựng
11	<b>Quốc phòng - An ninh</b>	6.100	9.434	3.334	-	6.100	-		



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư	
			Tổng cộng	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh mương		
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10	
11.1	Nhà làm việc Sở Chỉ huy A2 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	3.000	3.000			3.000				Bộ CHQS tỉnh
11.2	Nhà khách và nhà ở công vụ cho cán bộ chiến sĩ Công an tỉnh Bình Phước (vốn đối ứng NS tỉnh)	3.100	6.434	3.334		3.100				Công an tỉnh
12	Chương trình đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg, ngày 17/10/2007)	7.500	7.936	7.500	-	436	-	-		Đầu tư cho 15 xã biên giới, định mức 500 triệu đồng/xã
12.1	Huyện Bù Gia Mập	1.000	1.000	1.000						
12.2	Huyện Bù Đốp	3.000	3.436	3.000		436				
12.3	Huyện Lộc Ninh	3.500	3.500	3.500						
13	Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS và hộ nghèo xã, bản ĐBKK theo Quyết định số 755/QĐ-TTg	10.000	10.000	10.000						UBND các huyện, thị xã triển khai thực hiện cho các đối tượng thuộc đề án 755
13.1	Huyện Bù Đăng	1.000	1.000	1.000						
13.2	Huyện Chơn Thành	500	500	500						
13.3	Huyện Bù Gia Mập	1.500	1.500	1.500						
13.4	Huyện Đồng Phú	3.000	3.000	3.000						
13.5	Huyện Lộc Ninh	2.000	2.000	2.000						
13.6	Thị xã Phước Long	500	500	500						
13.7	Thị xã Bình Long	500	500	500						
13.8	Huyện Phú Riềng	1.000	1.000	1.000						
14	Thanh toán các công trình đã quyết toán	10.000	18.792	809	1.475	15.674			834	Có danh mục chi tiết kèm theo
15	Đối ứng dự án PPP	-	72.000	-	72.000	-	-			
15.1	GPMB đường Đồng Phú-Bình Dương (phần diện tích ngoài hành lang 70 m)		60.000		60.000					Công ty cao su Bình Phước

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó					
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh mương	
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10
15.2	Hỗ trợ GPMB QL 13 (đoạn thị trấn Lộc Ninh đi ngã 3 Lộc Tấn)		12.000		12.000				UBND huyện Lộc Ninh
	<b>Khởi công mới năm 2017</b>	<b>256.290</b>	<b>379.790</b>	<b>35.390</b>	<b>196.800</b>	<b>129.600</b>	<b>18.000</b>	<b>-</b>	
1	<b>Hạ tầng khu công nghiệp</b>	<b>10.000</b>	<b>52.500</b>	<b>-</b>	<b>42.500</b>	<b>10.000</b>	<b>-</b>		
1.1	Đường trục chính từ QL 13 vào khu công nghiệp Tân Khai II huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	10.000	10.000			10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
1.2	Dự án nối dài hạ lưu mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng-Hàn Quốc		5.000		5.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
1.3	Xây dựng hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex Bình Phước		20.000		20.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
1.4	Xây dựng các tuyến đường số 2, số 3, số 4, số 5, số 7 và nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài 1 (hạng mục nhà máy xử lý nước thải)		17.500		17.500				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
2	<b>Giao thông - Vận tải</b>	<b>34.190</b>	<b>80.190</b>	<b>25.390</b>	<b>46.000</b>	<b>8.800</b>	<b>-</b>		
2.1	Đường vòng quanh hồ thủy lợi Phước Hòa tỉnh Bình Phước	5.000	21.000		16.000	5.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
2.2	Láng nhựa đường ALT1 từ đường Ngô quyền đến cầu cây Sung thị xã Bình Long	3.800	3.800			3.800			UBND TX Bình Long
2.3	Nâng cấp đường Lộc Tấn -Bù Đốp (ĐT 759B) đoạn từ Km 8+000 đến Km 10+500 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	20.000	20.000	20.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
2.4	Xây dựng đường từ QL 13 vào trường Cao đẳng nghề Bình Phước	5.390	5.390	5.390					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
2.5	Đường ĐT 759B đoạn từ bến xe mới đi xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp		20.000		20.000				UBND huyện Bù Đốp

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh					Chủ đầu tư		
			Tổng cộng	Trong đó						
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp		Vốn vay KCH kênh mương	
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10	
2.6	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long)		5.000		5.000					UBND thị xã Bình Long
2.7	Xây dựng cầu Long Tân đi Phú Riềng		5.000		5.000					UBND huyện Phú Riềng
<b>3</b>	<b>Hạ tầng đô thị</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	-	-	<b>10.000</b>	-			
	Đường số 7(đoạn còn lại) và một tuyến khác thuộc khu dân cư Bắc tinh lý, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	10.000	10.000			10.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
<b>4</b>	<b>Y tế</b>	<b>21.400</b>	<b>21.400</b>	-	-	<b>21.400</b>	-			
4.1	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Phú Riềng	10.000	10.000			10.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4.2	Mua sắm, lắp đặt trang bị máy phát điện dự phòng công suất 313KVA Bệnh viện đa khoa tỉnh	1.400	1.400			1.400				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4.3	Ký túc xá học sinh, nhà tập thể thao và hạ tầng kỹ thuật trường Trung cấp y tế	5.000	5.000			5.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4.4	Nhà làm việc các khoa và bộ môn, khối thực hành và thư viện trường Trung cấp y tế	5.000	5.000			5.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
<b>5</b>	<b>Giáo dục - Đào tạo</b>	<b>131.400</b>	<b>101.400</b>	-	<b>18.000</b>	<b>65.400</b>	<b>18.000</b>			
5.1	Trường THPT huyện Lộc Ninh	13.000	13.000			13.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
5.2	Thiết bị thí nghiệm Lý, Hóa, Sinh cho các trường THPT toàn tỉnh	5.000	5.000			5.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
5.3	Xây dựng trường THPT Thanh hòa huyện Bù Đốp	10.000	10.000			10.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh					Chủ đầu tư	
			Tổng cộng	Trong đó					
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp		Vốn vay KCH kênh mương
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10
5.4	Trường TH Tân Khai A huyện Hớn Quản	10.000	10.000			10.000			UBND huyện Hớn Quản
5.5	Trường cấp 2,3 Minh Hưng huyện Chơn Thành	11.800	11.800			11.800			UBND huyện Chơn Thành
5.6	Xây dựng Nhà tập đa năng Trường THPT chuyên Quang Trung	3.600	3.600			3.600			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
5.7	Trường mẫu giáo Lộc Hiệp huyện Lộc Ninh	7.000	7.000			7.000			UBND huyện Lộc Ninh
5.8	Trường Tiểu học Thiện Hưng C huyện Bù Đốp	5.000	5.000			5.000			UBND huyện Bù Đốp
5.9	Trường THPT huyện Đồng Phú	30.000	10.000		10.000				UBND huyện Đồng Phú
5.10	Trường THPT huyện Bù Gia Mập	30.000	15.000				15.000		UBND huyện Bù Gia Mập
5.11	Trường mẫu giáo Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập	6.000	6.000		3.000		3.000		UBND huyện Bù Gia Mập
5.12	Trường mầm non Tân Phước, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú		5.000		5.000				UBND huyện Đồng Phú
6	Văn hóa - Xã hội	-	65.000	-	65.000	-	-		
6.1	Bãi đậu xe, sân vườn và đường nội bộ khu di tích lịch sử Bộ Chỉ huy miền Tà Thiết		10.000		10.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
6.2	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam		35.000		35.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó					
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh muơng	
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10
6.3	Kinh phí di dời và GPMB vùng lõi khu di tích Bộ chỉ huy miền Tà Thiết		20.000		20.000				UBND huyện Lộc Ninh
7	<b>Khoa học - Công nghệ</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	-	-	<b>8.000</b>	-		
	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng	8.000	8.000			8.000			Văn phòng tỉnh ủy
8	<b>Quản lý Nhà nước</b>	<b>6.000</b>	<b>6.000</b>	-	-	<b>6.000</b>	-		
8.1	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Ban tổ chức Tỉnh ủy	3.000	3.000			3.000			Ban tổ chức Tỉnh ủy
8.2	Máy phát điện dùng chung cho Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh	3.000	3.000			3.000			Văn phòng Tỉnh ủy
9	<b>Quốc phòng - An ninh</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	-	-	-		
9.1	Xây dựng nhà ở chiến sỹ, nhà ăn, hội trường và hồ bơi Trung đoàn 736 tỉnh Bình Phước	5.000	5.000	5.000					Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
9.2	Xây dựng các công trình khu vực phòng thủ	5.000	5.000	5.000					Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
10	<b>Đầu tư từ nguồn thu SDD (Ghi thu ghi chi)</b>	<b>25.300</b>	<b>25.300</b>		<b>25.300</b>				

**PHỤ LỤC SỐ 3.1**  
**KẾ HOẠCH VỐN ĐIỀU CHỈNH NĂM 2017 TẤT TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN**  
 (Kèm theo Quyết định số: 1838/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6
	<b>Tổng cộng</b>		<b>10.000</b>	<b>18.792</b>	
<b>I</b>	<b>NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN</b>		<b>1.664</b>	<b>2.876</b>	
1	Xây dựng trạm bảo vệ rừng số 10 và trạm ngã 3 đường tuần tra biên giới tại Vườn Quốc gia BGM	QĐ số 246/QĐ-UBND, 18/02/2014		26	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
2	Nâng cấp, sửa chữa đường tuần tra bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng Vườn QG BGM	QĐ số 287/QĐ-UBND, 03/02/2015		52	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
3	Xây dựng khu diễn tập phòng chống cháy, chữa cháy rừng tại Vườn Quốc gia BGM	QĐ số 922/QĐ-UBND, 15/5/2015		20	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
4	Xây dựng công trình phụ phân khu dịch vụ hành chính Vườn Quốc gia BGM. Hạng mục: San lấp, kê đá; nhà xe; sân vườn; đường nội bộ; cột cờ; sa bàn vườn; hệ thống thoát nước; hệ thống chiếu sáng	QĐ số 2061/QĐ-UBND, 02/8/2016		39	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
5	Xây dựng trụ sở làm việc Vườn Quốc gia BGM	QĐ số 2060/QĐ-UBND, 02/8/2016		54	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
6	Di dời và ổn định dân xâm canh trong lâm phần Vườn Quốc gia BGM ra khu vực định canh, định cư giai đoạn I, năm 2010-2011	QĐ số 934/QĐ-UBND, 19/4/2017		134	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
7	Hàng rào bảo vệ Vườn sưu tập thực vật Vườn quốc gia Bù Gia Mập	QĐ số 88/QĐ-UBND, 13/1/2017		57	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
8	Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2012-2015. Hạng mục: Hồ chứa nước Suối Mít "Trạm kiểm lâm số 2" và mua sắm 01 ô tô chuyên dùng hỗ trợ chữa cháy rừng cho Ban quản lý Vườn Quốc gia BGM	QĐ số 932/QĐ-UBND, 19/4/2017		61	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
9	Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2012-2015. Hạng mục: Xây dựng bảng tuyên truyền bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng tại Vườn Quốc gia BGM	QĐ số 933/QĐ-UBND, 19/4/2017		2	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
10	Xây dựng đường vành đai vườn sưu tập thực vật Vườn Quốc gia BGM	QĐ số 1797/QĐ-UBND, 18/8/2015		16	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
11	Xây dựng trạm bảo vệ rừng số 1 và trạm bảo vệ rừng số 2 tại Vườn Quốc gia BGM	QĐ số 1792/QĐ-UBND, 18/8/2015		12	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
12	Xây dựng hệ thống thủy lợi Hồ Bù Xia thuộc dự án ổn định dân di cư tự do xã Đắc O, huyện Bù Gia Mập	QĐ số 85/QĐ-UBND ngày 13/01/2017		152	Chi cục phát triển nông thôn
13	Nạo vét lòng hồ và công xả đáy thủy lợi Bù Môn, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng	QĐ số 2450/QĐ-UBND ngày 02/10/2015		68	Chi cục thủy lợi và PCLB
14	Sửa chữa hư hỏng do mưa lũ gây ra tại hồ NT4, xã Long Hưng, huyện Phú Riềng	QĐ số 166/QĐ-STC ngày 20/12/2016		4	Chi cục thủy lợi và PCLB
15	Sửa chữa mặt đập hồ chứa nước Đồng Xoài, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú	QĐ số 3322/QĐ-UBND ngày 28/12/2016		414	Chi cục thủy lợi và PCLB
16	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Lập, huyện Đồng Phú	QĐ số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2017		23	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
17	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Minh Long, huyện Chơn Thành	QĐ số 3327/QĐ-UBND ngày 28/12/2016		27	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
18	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú	QĐ số 607/QĐ-UBND ngày 22/3/2017		17	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
19	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	QĐ số 605/QĐ-UBND ngày 22/3/2017		34	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
20	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh	QĐ số 1787/QĐ-UBND ngày 30/09/2013	26	26	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
21	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh	QĐ số 2552/QĐ-UBND ngày 11/10/2004	156	156	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
22	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng	QĐ số 912/QĐ-UBND ngày 20/8/2010	304	304	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
23	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Bình Thắng, huyện Phước Long	QĐ số 553/QĐ-UBND ngày 30/5/2007	90	90	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
24	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thanh Phú, huyện Bình Long	QĐ số 2633/QĐ-UBND ngày 21/12/2007	19	19	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
25	HTTL Suối Cam 2	QĐ số 1641/QĐ-UBND ngày 15/6/2009	18	18	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
26	HTTL Suối Lai	QĐ số 1797/QĐ-UBND ngày 17/10/2006	82	82	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh	Chủ đầu tư
27	Hệ thống thủy lợi Bù Ka, xã Long Hưng, huyện Bù Gia Mập	QĐ số 1798/QĐ-UBND ngày 02/8/2010	448	448	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
28	Hồ chứa nước Đồng Xoài (hạng mục đê bù GPMB)	QĐ số 2947/QĐ-BNN ngày 27/10/2005	93	93	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
29	Kênh mương nội đồng xã Bình Thắng	QĐ số 3361/QĐ-UBND ngày 13/10/2011	428	428	UBND huyện Bù Gia Mập
<b>II</b>	<b>Y TẾ</b>		<b>930</b>	<b>970</b>	
1	Mua sắm TTB y tế bằng nguồn vốn TPCP Bệnh viện đa khoa Bình Long GD 2008-2010	QĐ số 264/QĐ-UBND ngày 06/02/2017		13	Sở Y tế
2	Mua sắm TTB y tế bằng nguồn vốn TPCP Bệnh viện đa khoa Chơn Thành GD 2008-2010	QĐ số 268/QĐ-UBND ngày 06/02/2017		5	Sở Y tế
3	Mua sắm TTB y tế bằng nguồn vốn TPCP Bệnh viện đa khoa Bù Đốp GD 2008-2010	QĐ số 269/QĐ-UBND ngày 06/02/2017		5	Sở Y tế
4	Mua sắm TTB y tế bằng nguồn vốn TPCP Bệnh viện đa khoa Phước Long GD 2008-2010	QĐ số 265/QĐ-UBND ngày 06/02/2017		6	Sở Y tế
5	Mua sắm TTB y tế bằng nguồn vốn TPCP Bệnh viện đa khoa Bù Đăng GD 2008-2010	QĐ số 266/QĐ-UBND ngày 06/02/2017		11	Sở Y tế
6	Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp	QĐ số 651/QĐ-UBND ngày 18/4/2007	595	595	UBND huyện Bù Đốp
7	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Bù Đốp lên 70 giường	QĐ số 2644/QĐ-UBND ngày 17/6/2009	245	245	UBND huyện Bù Đốp
8	Mua sắm trang thiết bị Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập	QĐ số 2277/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	70	70	UBND huyện Bù Gia Mập
9	Phòng khám đa khoa thị xã Đồng Xoài	QĐ số 1386/QĐ-UBND ngày 19/05/2009	20	20	UBND thị xã Đồng Xoài
<b>III</b>	<b>GIÁO DỤC -ĐÀO TẠO</b>		<b>1.989</b>	<b>4.506</b>	
1	Trường THPT huyện Chơn Thành	QĐ số 66/QĐ-UBND ngày 10/01/2017		242	Sở GDĐT
2	Nhà tập đa năng, khối phòng học bộ môn và phòng học; phòng hội đồng sư phạm Trường DTNT tỉnh	QĐ số 517/QĐ-UBND ngày 26/3/2015		618	Trường PTDTNT tỉnh
3	Trường mầm non Thanh Bình huyện Bù Đốp	QĐ số 1005/QĐ-UBND ngày 26/6/2015		1.657	UBND huyện Bù Đốp
4	Xây dựng Trường THPT chuyên Bình Long	QĐ số 2019/QĐ-UBND ngày 06/9/2011	971	971	Trường THPT chuyên Bình Long
5	Trường THPT Lộc Thái, huyện Lộc Ninh	QĐ số 1909/QĐ-UBND ngày 16/8/2010	957	957	Sở GD&ĐT
6	Khối phòng học, phòng học bộ môn Trường cấp 2,3 Đăng Hà, huyện Bù Đăng	QĐ số 1364/QĐ-UBND ngày 05/7/2012	61	61	Sở GD&ĐT
<b>IV</b>	<b>KHOA HỌC CÔNG NGHỆ</b>		<b>154</b>	<b>314</b>	
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin khoa học và công nghệ tỉnh Bình Phước	QĐ số 87/QĐ-UBND ngày 13/01/2017		50	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Đầu tư trang thiết bị nâng cao năng lực quản lý về trồng trọt và bảo vệ thực vật	QĐ số 351/QĐ-UBND ngày 13/02/2017		32	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
3	Đầu tư trang thiết bị ứng dụng năng lượng tái tạo cho nông dân tại ấp Papech, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú	QĐ số 168/QĐ-STC ngày 30/12/2016		14	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4	Mua sắm thiết bị phục vụ công tác kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học về dược phẩm và mỹ phẩm	QĐ số 249/QĐ-UBND ngày 10/3/2017		56	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
5	Đầu tư trang thiết bị năng lượng tái tạo cho nông dân ở các xã vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh	QĐ số 04/QĐ-STC ngày 08/01/2015		8	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
6	Hệ thống một cửa điện tử tại UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước	QĐ số 2654/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	59	59	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
7	Xây dựng Vườn nhân chủng và vườn ươm giống cây điều, cà phê ghép năng suất cao	QĐ số 1378/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	95	95	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
<b>V</b>	<b>VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>		<b>600</b>	<b>600</b>	
1	Nhà tập thể dục thể thao đa năng tỉnh	QĐ số 71/QĐ-UBND ngày 10/01/2017	600	600	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
<b>VI</b>	<b>GAO THÔNG VẬN TẢI - HẠ TẦNG ĐÔ THỊ</b>		<b>4.014</b>	<b>8.642</b>	

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh	Chủ đầu tư
1	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Quý Đôn, thị xã Đồng Xoài (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Nguyễn Huệ dài 1.780m)	QĐ số 941/QĐ-UBND ngày 22/04/2017		281	UBND TX Đồng Xoài
2	Hệ thống thoát nước QL 14-đoạn đường Lê Quý Đôn từ QL14 đến đường Phú Riềng Đỏ và đường quy hoạch số 20 từ đường Hùng Vương đến TTTM Đồng Xoài	QĐ số 263/QĐ-UBND ngày 06/02/2017		136	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
3	Xây dựng hệ thống đường khu TTHC tỉnh Bình Phước (tuyến Lý Thường Kiệt đoạn từ Km0+000-Km 845,27)	QĐ số 2062/QĐ-UBND ngày 02/8/2016		231	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
4	Nâng cấp láng nhựa một số tuyến đường khu trung tâm hành chính tỉnh Bình Phước	QĐ số 2063/QĐ-UBND ngày 02/8/2016		46	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông BP
5	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (QL14) đoạn từ Cây Chanh đến cầu 38 và đoạn từ cầu 38 đến thị xã Đồng Xoài. Tiểu dự án Giải phóng mặt bằng và tái định cư	QĐ số 886/QĐ-UBND ngày 13/4/2017		500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông BP
6	Đường tránh các điểm đen trên ĐT 741 tại khu vực Nhà máy thủy điện Thác Mơ	QĐ số 422/QĐ-UBND ngày 28/02/2017		1.394	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông BP
7	Nâng cấp, mở rộng ĐT 759 đoạn từ xã Phước Tân, huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp	QĐ số 65/QĐ-UBND ngày 10/01/2017		1.410	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
8	Xây dựng 03 cầu trên đường Đồng Phú-Bình Long	QĐ số 1295/QĐ-UBND ngày 03/6/2016		70	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
9	Dự án NCMR đường ĐT741 từ chốt Kiểm lâm đến Bù Gia Mập	QĐ số 1657/QĐ-UBND ngày 21/9/2012	590	590	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
10	Đường liên xã từ ngã ba Cây Diệp đến sông Mã Đà phục vụ cứu hộ, cứu nạn các xã phía Đông, huyện Đồng Phú	QĐ số 896/QĐ-UBND ngày 06/4/2011	1.411	1.971	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
11	Xây dựng cống thoát nước qua Ngăn hàng Nam Á chi nhánh Bình Phước	QĐ số 376/QĐ-UBND ngày 13/4/2010	186	186	Ngân hàng Nam Á chi nhánh Bình Phước
12	Đường dẫn Trạm kiểm soát liên hợp Cửa khẩu Hoa Lư	QĐ số 995/QĐ-UBND ngày 22/4/2009	191	191	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
13	Trạm kiểm soát liên hợp Cửa khẩu Bò Nuê (Hoa Lư), huyện Lộc Ninh	QĐ số 2387/QĐ-UBND ngày 26/8/2009; 250/QĐ-UBND ngày 28/01/2010	123	123	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
14	Kênh thoát nước T1 tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	QĐ số 2524/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	67	67	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
15	Nối tiếp đường dẫn Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Hoa Lư	QĐ số 2528/QĐ-UBND ngày 30/12/2012	59	59	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
16	Đường trục chính đoạn nối từ QL 13 đến KCN Minh Hưng III	QĐ số 178/QĐ-UBND ngày 19/01/2011	422	422	Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
17	GPMB dự án Khu tái định cư và nhà ở công nhân 38,44ha	QĐ số 3489/QĐ-UBND ngày 09/12/2009; 1374/QĐ-UBND ngày 14/6/2011	866	866	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
18	Đường Trục chính D1 thuộc Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Bình Phước	QĐ số 33/QĐ-UBND ngày 06/01/2010; 209/QĐ-UBND ngày 24/01/2010; 210/QĐ-UBND ngày 22/01/2010; 1072/QĐ-UBND ngày 15/5/2010	99	99	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
VII	<b>Quản lý Nhà nước</b>		<b>649</b>	<b>884</b>	
1	Sửa chữa, cải tạo nhà khách Tỉnh ủy Bình Phước	QĐ số 563/QĐ/TU ngày 29/3/2017		235	Văn phòng Tỉnh ủy
2	Trụ sở làm việc Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh Bình Phước	QĐ số 218/QĐ-UBND ngày 05/02/2013	155	155	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
3	Trung tâm dạy nghề và Hỗ trợ nông dân - Hội nông dân tỉnh	QĐ số 960/QĐ/HNDTW ngày 05/9/2012	300	300	Hội nông dân tỉnh Bình Phước
4	Trung tâm dạy nghề thị xã Phước Long (giai đoạn 1)	QĐ số 2190/QĐ-UBND ngày 04/10/2011	194	194	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp